

Bản án số: 3680/2024/DS-ST

Ngày: 09/8/2024

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi;
2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4344/2024/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 5511/QĐ-DSST ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (A);**

Trụ sở: Số D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Q; Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà A, D C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 1013/UQ-QLN.24 ngày 03/7/2024)

- Bị đơn: Ông **Lê Trọng N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 6 Quốc lộ A, tổ A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Đào Văn Q có đơn xin vắng mặt, ông Lê Trọng N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2023, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần AC trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần AC cấp tín dụng cho ông Lê Trọng N căn cứ theo:

- a) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Lê Trọng N ký ngày 05/05/2020;
- b) Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC;
- c) Các văn bản khác của ông Lê Trọng N ký với AC về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

Số thẻ	4791 3925 5056 2843	9704 1631 0106 8779
Loại thẻ	Visa Vàng	ACB Express
Ngày cấp	07/05/2020	07/05/2020
Hạn mức thẻ	30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng	20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng
Hiệu lực thẻ	Tháng 05/2023	Tháng 05/2023
Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC.		

Về vi phạm hợp đồng và dư nợ chưa trả:

a) Vi phạm hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Trọng N đã vi phạm nghĩa vụ với AC. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay và chấm dứt sử dụng thẻ, thì:

- Ngày 11/05/2021, AC đã chuyển khoản thẻ 4791 3925 5056 2843 và 9704 1631 0106 8779 sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Lê Trọng N. Ngày 18/05/2023, AC ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với 02 thẻ tín dụng nêu trên.

b) Dư nợ chưa trả

Tính đến ngày 17/05/2023, ông Lê Trọng N còn nợ AC các khoản sau:

STT	Số thẻ tín dụng	Vốn gốc	Lãi quá hạn	Tổng cộng
1	4791 3925 5056 2843	23.397.437	16.504.224	39.901.661
2	9704 1631 0106 8779	14.751.301	8.950.788	23.702.089
Tổng cộng		38.148.738	25.455.012	63.603.750

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần AC yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Lê Trọng N trả ngay cho AC tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 17/05/2023 là 63.603.750 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 38.148.738 đồng, lãi quá hạn 25.455.012 đồng.

2. Buộc ông Lê Trọng N tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC tính kể từ ngày 18/05/2023 đến ngày trả hết nợ.

3. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

Bị đơn – ông Lê Trọng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại Tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai của mình phía Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 09/8/2024) là 79.514.263 (*Bảy mươi chín triệu, năm trăm mười bốn ngàn, hai trăm sáu mươi ba*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 38.148.738 (*Ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám*) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 41.365.525 (*Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi lăm*) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản Điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 10/8/2024 đến ngày ông Lê Trọng N trả dứt nợ.

Bị đơn – ông Lê Trọng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa. Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (AC) tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Lê Trọng N nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Lê Trọng N ký ngày 05/05/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC thể hiện địa chỉ của ông Lê Trọng N: Số F Quốc lộ A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường H cho biết: “*Đương sự Lê Trọng N cso hộ khẩu thường trú tại đại phương và thực tế cư trú tại địa chỉ 606/20/8 Quốc lộ A, khu phố D, phường H, TP ., Thành phố Hồ Chí Minh*”. Do đó xác định địa chỉ B S Quốc lộ A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của ông N. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] *Về thủ tục tố tụng:*

Đại diện Ngân hàng cho biết ông Lê Trọng N vay tiền Ngân hàng với mục đích tiêu dùng cá nhân, đồng thời Ngân hàng cũng chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông N trả nợ nên xét thấy không cần thiết phải đưa vợ ông N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần AC khởi kiện yêu cầu ông Lê Trọng N trả tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 09/8/2024) là 79.514.263 (*Bảy mươi chín triệu, năm trăm mười bốn ngàn, hai trăm sáu mươi ba*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 38.148.738 (*Ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám*) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 41.365.525 (*Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi lăm*) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất

nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản Điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 10/8/2024 đến ngày ông Lê Trọng N trả dứt nợ.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông N phải trả tiền nợ gốc là 38.148.738 (Ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám) đồng như sau:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Lê Trọng N ký ngày 05/05/2020, bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC và các văn bản khác của ông Lê Trọng N ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng Thương mại cổ phần AC cấp tín dụng cho ông Lê Trọng N 02 loại thẻ tín dụng như sau: Loại thẻ Visa Vàng (số thẻ 4791 3925 5056 2843) với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng và L thẻ A (số thẻ 9704 1631 0106 8779) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Trọng N đã vi phạm nghĩa vụ với AC. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay và chấm dứt sử dụng thẻ, thì ngày 11/05/2021, AC đã chuyển khoản thẻ 4791 3925 5056 2843 và 9704 1631 0106 8779 sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Lê Trọng N. Ngày 18/05/2023, AC ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với 02 thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến nay, ông N còn nợ gốc số tiền là 38.148.738 đồng (*Ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám đồng*), trong đó: nợ gốc của thẻ tín dụng số 4791 3925 5056 2843 là 23.397.437 đồng, nợ gốc của thẻ tín dụng số 9704 1631 0106 8779 là 14.751.301 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, ông N đã được tổng đạt hợp lệ đến tòa để trình bày lời khai, đối chất và hòa giải về số tiền nêu trên nhưng ông N không đến tòa là không tôn trọng quy định của pháp luật đồng thời tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét tài liệu do phía Ngân hàng cung cấp. Như vậy Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán nợ gốc là 38.148.738 (*Ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám*) đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu về tiền lãi như sau:

Theo quy định khoản 5.5 Điều 5 tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A giữa ông N và Ngân hàng Thương mại cổ phần AC quy định: “*Mức lãi suất, phi được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phi do A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phi là một phần không tách rời của*

Bản các điều khoản và điều kiện này. AC có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng Thẻ của Chủ thẻ...”, cụ thể: Lãi suất trong hạn của thẻ tín dụng số 4791 3925 5056 2843 áp dụng từ ngày 06/5/2020 đến ngày 10/5/2021 là 29%/năm; Lãi suất trong hạn của thẻ tín dụng số 9704 1631 0106 8779 áp dụng từ ngày 06/5/2020 đến ngày 10/5/2021 là 25%/năm. Lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, được công bố và áp dụng tại thời điểm điều chỉnh khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC là đúng theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Lê Trọng N ký ngày 05/05/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A giữa ông N và Ngân hàng Thương mại cổ phần AC, cụ thể như sau:

- Đối với Thẻ tín dụng số 4791 3925 5056 2843: Lãi suất nợ quá hạn áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 10/5/2021) đến ngày thay đổi lãi suất (ngày 13/7/2023) là 43,5%/năm; từ ngày thay đổi lãi suất (ngày 14/7/2023) đến nay, áp dụng lãi suất trong hạn là 32%/năm, lãi suất quá hạn là 48%/năm.

- Đối với Thẻ tín dụng số 9704 1631 0106 8779: Lãi suất nợ quá hạn áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 10/5/2021) đến nay là 37,5%/năm;

Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 10/5/2021 nên Ngân hàng AC đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, từ ngày 10/5/2021 đến ngày 09/8/2024 thì lãi suất nợ quá hạn cụ thể là: 41.365.525 (Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi lăm) đồng. Do đó, số tiền lãi mà A yêu cầu là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 10/8/2024 nếu ông N không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC đến ngày ông Lê Trọng N thanh toán hết nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (AC).

Buộc ông Lê Trọng N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (AC) tổng cộng số tiền tính đến ngày 09/8/2024 là 79.514.263 (*Bảy mươi chín triệu, năm trăm mười bốn ngàn, hai trăm sáu mươi ba*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 38.148.738 (*Ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám*) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 41.365.525 (*Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm hai mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày 10/8/2024 nếu ông N không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AC đến ngày ông Lê Trọng N thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Trọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.975.713 (*Ba triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm mười ba*) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần AC (A) là 1.590.084 (*Một triệu, năm trăm chín mươi ngàn, không trăm tám mươi bốn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000703 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại cổ phần AC và ông Lê Trọng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Hải Yên